

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY TÍN CHỈ KHÓA 2018
(ĐỢT THÁNG 11 NĂM 2020)**

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CĐXD2 ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 về việc Ban hành Quy chế học vụ về đào tạo Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-CĐXD ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế học vụ đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ;

Căn cứ chương trình đào tạo khóa 2015, 2016, 2017, 2018 và kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021, Trường Cao Đẳng Xây Dựng Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kế hoạch thực hiện khóa luận tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng chính quy khóa 2015, 2016, 2017, 2018 như sau:

1. Quy định về làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp:

Nhà trường quy định về việc thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp, cụ thể như sau:

Làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên khối ngành kỹ thuật công nghệ khóa 2015, 2016, 2017, 2018 đủ điều kiện làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp. Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 05 tín chỉ.

2. Điều kiện và thời gian làm đồ án/ khóa luận :

a) Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp:

- Điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm xét đạt từ 2,0 (5.5 theo thang điểm 10) trở lên, số tín chỉ tích lũy đạt từ 80 tín chỉ trở lên đối với khóa 2015, 2016; đạt 80% thời lượng chương trình đào tạo trở lên đối với khóa 2017, 2018 (cụ thể: ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng: 64 tín chỉ trở lên, ngành Trắc địa công trình : 41 tín chỉ trở lên, các ngành kỹ thuật còn lại : 60 tín chỉ trở lên) ;

- Đạt yêu cầu các học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo (có danh sách các học phần đính kèm, được Ban Giám hiệu phê duyệt) ;

- Đã hoàn thành hoặc đang tham gia học phần thực tập tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo (Sinh viên không đạt yêu cầu học phần thực tập tốt nghiệp sẽ không được bảo vệ đồ án tốt nghiệp) ;

- Trong mỗi học kỳ, mỗi giảng viên được hướng dẫn số lượng đồ án/ khóa luận tốt nghiệp như sau :

CHỨC DANH	HƯỚNG DẪN	THÂM NIÊN
Giảng viên	≤ 5 sinh viên	≥ 3 năm giảng dạy

Giảng viên chính, Phó Giáo sư	≤ 8 sinh viên	
Thỉnh giảng	≤ 4 sinh viên	≥ 3 năm giảng dạy

*** Sinh viên không đủ điều kiện thực hiện khóa luận đợt này sẽ được tổ chức tốt nghiệp vào đợt tháng 04/2021.

b) Học phí và lệ phí bảo vệ tốt nghiệp :

- Sinh viên đóng học phí theo quy định của học phần tốt nghiệp trong chương trình đào tạo (1 tín chỉ khoá luận = 3 tín chỉ học phí).

- Sinh viên đóng học phí : trước ngày 09/11/2020 tại Phòng Tài chính – Kế toán.

c) Thời gian làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp:

- Thời gian làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp, phản biện, bảo vệ: Tối đa 12 tuần

- Các mốc thời gian cụ thể như sau:

Stt	Công việc	Thời gian	Đơn vị chủ trì
1	Sinh viên đăng ký đề tài, nhận giảng viên hướng dẫn (kèm bảng điểm cá nhân, có xác nhận của Phòng Đào tạo)	19/10 – 23/10/2020	Khoa/ Bộ môn Phòng Đào tạo
2	Lập danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp chuyển Phòng Đào tạo	26/10 – 28/10/2020	Khoa/ BM;
3	Cập nhật danh sách đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp lên phần mềm để Phòng Tài chính – Kế toán thu học phí	29/10 – 31/10/2020	P. Đào tạo
4	Sinh viên đóng học phí tại Phòng Tài chính – Kế toán	02/11- 09/11/2020	Sinh viên – P. TC- Kế toán
5	Thời gian thực hiện đồ án/ khoá luận tốt nghiệp	09/11/2020 – 08/01/2021	Khoa/ Bộ môn; Sinh viên
6	Lập danh sách sinh viên đóng học phí chuyển Phòng Đào tạo và các Khoa/ Bộ môn	16/11 - 23/11/2020	P. TC- Kế toán
7	Thời gian phản biện (sơ khảo) đồ án/ khoá luận tốt nghiệp	11/01 – 17/01/2021	Khoa/ Bộ môn; Giảng viên
8	Thành lập hội đồng bảo vệ đồ án/ khoá luận tốt nghiệp	15/01 - 17/01/2021	Khoa/BM; P. Đào tạo
9	Thời gian bảo vệ đồ án/ khoá luận tốt nghiệp	18/01 – 30/01/2021	Hội đồng

Các Khoa/ Bộ môn chuyên ngành có trách nhiệm công bố đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, giảng viên tham gia hội đồng và triển khai tổ chức thực hiện các nội dung liên quan nêu trên theo đúng quy định hiện hành và những nội dung được cụ thể hóa trong phần sau.

3. Đánh giá đồ án/ khoá luận tốt nghiệp:

a) Đồ án/ khoá luận tốt nghiệp sau khi thực hiện xong sẽ được đánh giá tùy theo các đơn vị đào tạo lựa chọn các hình thức sau:

- Mỗi đồ án/ khóa luận tốt nghiệp phải được chấm phản biện hoặc chấm sơ khảo trước khi ra Hội đồng. Trong đó, chấm phản biện do 01 cán bộ thực hiện, chấm sơ khảo do Khoa/ BM thành lập hội đồng gồm 03 thành viên thực hiện. Điểm phản biện/ sơ khảo đạt từ 5.0 trở lên mới được bảo vệ tốt nghiệp;

- Mỗi đồ án/ khóa luận tốt nghiệp phải được bảo vệ trước Hội đồng bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng bao gồm 05 thành viên (bao gồm chủ tịch và thư ký hội đồng).

b) Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 như sau:

- Kết quả điểm của đồ án/ khóa luận là trung bình cộng các điểm: Hướng dẫn (hệ số 1); Phản biện/ sơ khảo (hệ số 1); Trung bình cộng các điểm của 05 thành viên hội đồng bảo vệ (hệ số 3), trường hợp hội đồng có giảng viên hướng dẫn hoặc phản biện thì người hướng dẫn hoặc phản biện không cho điểm bảo vệ); được làm tròn đến 1 chữ số thập phân trước khi chuyển sang điểm chữ. Kết quả các điểm thành phần không được lệch quá 2 điểm so với điểm trung bình của hội đồng bảo vệ.

- Ý kiến nhận xét và điểm chấm được ghi trên Phiếu chấm do Khoa/BM lập;

- Sau khi bảo vệ, Khoa/ BM có trách nhiệm công bố kết quả đồ án/ khóa luận cho sinh viên và chuyển bản gốc về phòng Đào tạo trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày bảo vệ;

- Điểm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

c) Hội đồng bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp do Khoa/BM chuyên ngành đề nghị. Trưởng khoa/ BM thuộc trường đề nghị danh sách giảng viên chấm hoặc bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp chuyển về Phòng Đào tạo trước thời gian quy định 02 tuần để trình Hiệu trưởng quyết định.

Người tham gia chấm hoặc bảo vệ đồ án/ khóa luận phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Giảng viên trong và ngoài trường có ít nhất 3 năm giảng dạy cao đẳng trở lên;
- Công chức mời giảng ở các cơ quan hoặc doanh nghiệp có trình độ tốt nghiệp đại học hệ chính quy trở lên và có thâm niên công tác tối thiểu 3 năm.

d) Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp;

Yêu cầu các Phòng, Khoa/Bộ môn tổ chức thực hiện và thông báo các nội dung trên đến tất cả sinh viên có liên quan./.

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo (b/c);
- Các phòng, Khoa/BM;
- Các trung tâm đào tạo;
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG *hu*
XÃ Y PHỔ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
XÂY DỰNG
TP.HCM
Ths. Nguyễn Bá Khiêm

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Đính kèm Kế hoạch thực hiện tốt nghiệp số: 807 /CDXD-ĐT ngày 12 tháng 10 năm 2020

I Ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
A. Đối với Khoá 2015, 2016:			14		
1	23502002	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở	
2	23501009	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506006	Đồ án kỹ thuật thi công	2	Chuyên ngành	
4	23506010	Đồ án tổ chức thi công	2	Chuyên ngành	
5	23501013	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401002	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2017:					
NHÓM 1: KẾT CẤU			13		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506112	Kỹ thuật thi công	3	Chuyên ngành	
4	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
5	23401117	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
NHÓM 2: THI CÔNG			12		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506102	Đồ án kỹ thuật thi công	2	Chuyên ngành	
4	23506104	Đồ án tổ chức thi công	2	Chuyên ngành	
5	23401117	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
C. Đối với Khoá 2018:					
NHÓM 1: KẾT CẤU			14		
1	23502002	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở	
2	23501009	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23502103	Sức bền vật liệu 2	2	Chuyên ngành	
4	23501106	Đồ án nền móng	2	Chuyên ngành	
5	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401002	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
NHÓM 2: THI CÔNG			14		
1	23502002	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở	
2	23501009	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	

3	23506006	Đồ án kỹ thuật thi công	2	Chuyên ngành	
4	23506010	Đồ án tổ chức thi công	2	Chuyên ngành	
5	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401002	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
Đối với khoá 2015, 2016, 2017, 2018			7		
1	23503116	Thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
2	23503113	Thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
3	23503117	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
III. Ngành Trắc địa công trình					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
Đối với khoá 2018			9		
1	23506103	Đo góc và thiết bị đo góc	2	Chuyên ngành	
2	23506105	Đo cao và thiết bị đo cao	2	Chuyên ngành	
3	23506121	Trắc địa công trình đường	3	Chuyên ngành	
4	23506113	Lập lưới khống chế đo vẽ	2	Chuyên ngành	
IV. Ngành Quản lý xây dựng					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
A. Đối với khoá 2015, 2016			10		
1	23601001	Kinh tế xây dựng	2	Chuyên ngành	
2	23601010	Dự toán xây dựng I	2	Chuyên ngành	
3	23601002	Định mức đơn giá	3	Chuyên ngành	
4	23601013	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
B. Đối với khoá 2017			10		
1	23601001	Kinh tế xây dựng	2	Chuyên ngành	
2	23601103	Dự toán xây dựng	2	Chuyên ngành	
3	23601002	Định mức đơn giá	3	Chuyên ngành	
4	23601013	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
C. Đối với khoá 2018			12		
1	23601002	Định mức đơn giá	2	Chuyên ngành	
2	23601103	Dự toán xây dựng	3	Chuyên ngành	
3	23601001	Kinh tế xây dựng	2	Chuyên ngành	
4	23601110	Tin học trong QLXD	2	Chuyên ngành	

XÂY
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
XÂY DỰNG
TP.HỒ
★

5	23601013	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
V. Ngành Công nghệ kỹ thuật tài nguyên nước					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
A. Đối với khoá 2015, 2016			19		
1	23700007	Mạng lưới thoát nước	3	Chuyên ngành	
2	23700008	Mạng lưới cấp nước	3	Chuyên ngành	
3	23700015	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	Chuyên ngành	
4	23700014	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	Chuyên ngành	
5	23700016	Cấp thoát nước công trình	3	Chuyên ngành	
6	23700026	Đồ án thiết kế hệ thống cấp nước	2	Chuyên ngành	
7	23700027	Đồ án thiết kế hệ thống thoát nước	2	Chuyên ngành	
Ngành Cấp, thoát nước					
B. Đối với khoá 2017			19		
1	23700114	Mạng lưới thoát nước	3	Chuyên ngành	
2	23700113	Mạng lưới cấp nước	3	Chuyên ngành	
3	23700109	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	Chuyên ngành	
4	23700110	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	Chuyên ngành	
5	23700101	Cấp thoát nước công trình	3	Chuyên ngành	
6	23700104	Đồ án thiết kế hệ thống cấp nước	2	Chuyên ngành	
7	23700105	Đồ án thiết kế hệ thống thoát nước	2	Chuyên ngành	
C. Đối với khoá 2018			10		
1	23700114	Mạng lưới thoát nước	3	Chuyên ngành	
2	23700113	Mạng lưới cấp nước	3	Chuyên ngành	
3	23700104	Đồ án hệ thống cấp nước	2	Chuyên ngành	
4	23700105	Đồ án hệ thống thoát nước	2	Chuyên ngành	
VI. Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
Đối với khoá 2016, 2017, 2018			10		
1	23900001	Vật liệu xây dựng	3	Cơ sở	
2	23900007	Thí nghiệm vật liệu xây dựng đại cương	2	Cơ sở	
3	23900018	Thí nghiệm vật liệu xây dựng chuyên ngành	2	Chuyên ngành	
4	23900019	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
VII. Ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú

Đối với khoá 2015, 2016, 2017, 2018			19		
1	23504001	Cấu tạo kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
2	23504004	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	23504012	Đồ án kiến trúc 1	2	Chuyên ngành	
4	23504013	Đồ án kiến trúc 2	2	Chuyên ngành	
5	23504014	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
6	23504015	Đồ án kiến trúc 4	2	Chuyên ngành	
7	23504017	Đồ án kiến trúc 6	2	Chuyên ngành	
8	23504021	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	
VIII. Ngành Thiết kế nội thất					
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
Đối với khoá 2018			16		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201118	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	2	Chuyên ngành	
3	24202115	Đồ án nội thất 1	2	Chuyên ngành	
4	24202116	Đồ án nội thất 2	2	Chuyên ngành	
5	24202117	Đồ án nội thất 3	2	Chuyên ngành	
6	24202118	Đồ án nội thất 4	2	Chuyên ngành	
7	24202119	Thực tập tốt nghiệp	3	Chuyên ngành	

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH TRƯỞNG

Ths. Nguyễn Bá Khiêm